

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ (BỔ SUNG)

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Vũng Tàu)
Công trình: Khu Tái định cư 10ha trong 58ha thuộc phường 10, thành phố Vũng Tàu.

Số TT	Người sử dụng đất	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT TÍNH BỒI THƯỜNG BỔ SUNG (m ²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
						ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC			
1	Ông (bà) Kim Trọng Yên	231 Lưu Chí Hiếu, phường 10, TPVT.	350,20	350,20	350,20	150,00	200,20	3.679.709.200	<p>Đã bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 9169/QĐ-UBND, 9182/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; 4589/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Vũng Tàu (giao đất ở). Ngày 16/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh có Thông báo số 94/2022/TLST-HC vụ ông Kim Trọng Yên; do tình tiết vụ án của ông Yên cùng pháp lý của ông Kim Ngọc Quang; do đó Hội đồng bồi thường TĐC thành phố thống nhất bồi thường 150,0m² đất ở và 200,20m² đất nông nghiệp, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với 150,0m² đất ở theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; đồng thời điều chỉnh 01 lô đất ở mới thành 01 lô đất TĐC do được bồi thường đất ở; tính chênh lệch giá đất đã tính bồi thường được xác định tại thời điểm thu hồi đất (tháng 12/2018) theo giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3236/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, được UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản số 1514/UBND-PTQĐ ngày 17/03/2023.</p>				3.679.709.200	thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với 150,0m ² đất ở theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; đồng thời điều chỉnh 01 lô đất ở mới thành 01 lô đất TĐC
2	Ông (bà) Kim Thị Giang	231 Lưu Chí Hiếu, phường 10, TPVT	195,30	195,30	195,30	0,00	195,30	594.883.800	<p>Đã bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 9168/QĐ-UBND, 9179/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Quyết định số 10289/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu (giao đất ở). Nay bổ sung chênh lệch giá đất đã tính bồi thường được xác định tại thời điểm thu hồi đất (tháng 12/2018) theo giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3236/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, được UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản số 1514/UBND-PTQĐ ngày 17/03/2023.</p>				594.883.800	

3	Ông (bà) Kim Đắc Sơn	231 Lưu Chí Hiếu, phường 10, TPVT	241,30	241,30	241,30	0,00	241,30	734.999.800	Đã bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 9169/QĐ-UBND, 9180/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Quyết định số 10289/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu (giao đất TĐC); Nay bổ sung chênh lệch giá đất đã tính bồi thường được xác định tại thời điểm thu hồi đất (tháng 12/2018) theo giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3236/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, được UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản số 1514/UBND-PTQĐ ngày 17/03/2023.	734.999.800			
4	Ông (bà) Nguyễn Anh Hùng	Phường 10, TPVT.	4.606,20	2.423,00	2.423,00	0,00	2.423,00	2.842.179.000	Đã bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 4253/QĐ-UBND, 4255/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND thành phố Vũng Tàu; Nay bổ sung chênh lệch giá đất đã tính bồi thường được xác định tại thời điểm thu hồi đất (tháng 12/2018) theo giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3236/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, được UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản số 1514/UBND-PTQĐ ngày 17/03/2023.	2.842.179.000			
TỔNG CỘNG:			5.393,00	3.209,80	3.209,80	150,00	3.059,80	7.851.771.800	0	0	0	0	7.851.771.800

* Diện tích đất đã thu hồi	:	5.393,00	m2.
* Diện tích đất đã tính bồi thường	:	3.209,80	m2 (đất nông nghiệp)
* Diện tích tính bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất đã tính bồi thường được xác định tại thời điểm thu hồi đất (tháng 12/2018) theo giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3236/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, được UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản số 1514/UBND-PTQĐ ngày 17/03/2023.	:	3.209,80	m2 (150,0m2 đất ở và 3.059,8m2 đất nông nghiệp)
* Số hộ dân được hỗ trợ bổ sung	:	04	hộ dân
* Số hộ tái định cư	:	01	đã được giao trước đây cho ông (bà) Kim Trọng Yên
* Số hộ giao đất ở mới	:	0	hộ dân
* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân	:	7.851.771.800	đồng (1)
* Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB	:	157.035.436	đồng (2)
<i>Trong đó:</i>	-	
<i>Cụ thể:</i>			
+ Hội đồng BT, HT & TĐC, TP.Vũng Tàu (11%)	:	17.273.898	đồng;
+ Trung tâm phát triển quỹ đất, TP.Vũng Tàu (65%)	:	102.073.033	đồng;
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, TP.Vũng Tàu (11%)	:	17.273.898	đồng;

+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 (2%)	:	3.140.709	đồng;
+ UBND phường 10, TP.Vũng Tàu (5%)	:	7.851.772	đồng;
+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP (1%)	:	1.570.354	đồng;
+ Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1%)	:	1.570.354	đồng;
+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2%)	:	3.140.709	đồng;
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)	:	3.140.709	đồng.
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung (1) + (2)	:	8.008.807.236	đồng.

(Bằng chữ: Tám tỷ, không trăm lẻ tám triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Vũ Thành

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**